

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 15

Địa 10: ĐỊA DO VẤN TẠO THÀNH 3

Đã nói bảy thứ xứ, là chỗ nên nhận biết về giáo pháp của Phật. Tiếp theo là nói về tám thứ.

Nghĩa là có ba thứ pháp tu tập thuộc về tám chi Thánh đạo, khiến các Bí-sô đoạn trừ rốt ráo các kiết. Đó là: Tu giới, Tu định, Tu tuệ.

Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng gọi là tu giới.

Chánh niệm, chánh định gọi là tu định.

Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn gọi là tu tuệ.

Lại do chánh phương tiện cùng lực tăng thượng của quả, nên kiến lập tám loại Bồ-đặc-già-la thuộc loại thanh tịnh. Đó là: Chư vị hành nơi bốn hướng, trụ nơi bốn quả.

Lại có hai loại thí với tám tướng sai biệt:

1. Thí có lỗi lầm.

2. Thí không có lỗi lầm.

Bảy loại thí trước gọi là có lỗi lầm. Một loại thí sau cùng gọi là không lỗi lầm. Đó là:

- Có bố thí do biếng nhác gây tổn hại nên có lỗi lầm.

- Hoặc có bố thí không theo chỗ mong muốn, nên có lỗi lầm. Tức là người có tâm nhiệm, sợ hãi sự bận cùng, mong cầu giàu vui mà hành bố thí.

- Hoặc có bố thí hối tiếc về quá khứ, nên có lỗi lầm.

- Hoặc có bố thí trông mong về vị lai, nên có lỗi lầm.

- Hoặc có bố thí có lỗi khinh mạn, nên có lỗi lầm.

- Hoặc có bố thí mong cầu giàu vui, nên có lỗi lầm.

- Hoặc có bố thí cầu đạt sự nghe biết của kẻ khác, nên có lỗi lầm.

Bố thí không có lỗi lầm: Là bố thí hồi hướng về Niết bàn vì lấy đó làm tư lương, do tâm không nhiễm ô nên được sanh đến cõi thiện, vì nhằm đạt được tài sản lớn mà hành bố thí.

Lại dựa vào bốn xứ, ở trong tám thời, hướng nhập biếng trễ, không phát khởi tinh tấn, nên biết hữu tình như vậy là loại biếng nhác, không phải là loại tinh tấn. Đó là:

- Dựa vào xứ khát thực.
- Dựa vào xứ tạo tác.
- Dựa vào xứ du hành.
- Dựa vào xứ của cảnh giới không bình đẳng.

Dựa vào bốn xứ ấy, có tám thời sai biệt. Đó là:

- Thời ăn uống nhiều thứ ngon bổ, thân trở nên nặng nề.
- Thời ăn uống ít, thức ăn thô dở, thân trở nên gầy yếu.
- Thời sắp sửa làm việc, tiếc giữ sức lực.
- Thời đã làm việc, thân mỗi mệt.
- Thời chuẩn bị du hành, tiếc giữ sức lực.
- Thời đã đi qua đường dài, thân thể mệt mỏi.
- Thời đang bị bệnh khổ vây buộc, hành hạ.
- Thời bệnh tật đã khỏi, sợ phát khởi trở lại.

Loại hữu tình biếng nhác này, cho đến chưa gặp chỗ dựa của biếng nhác, cũng đã ít giống với tinh tấn. Nếu được gặp rồi, thì mau chóng phát khởi biếng nhác. Do đó gọi là chủng loại biếng nhác. Trái hẳn với loại này, cũng dựa vào bốn xứ, ở trong tám thời phát khởi siêng năng tinh tấn. Nên biết, hữu tình như vậy, là loại siêng năng tinh tấn, có thể chế ngự biếng nhác, tuy gặp chỗ dựa của biếng nhác, cũng có thể phát khởi siêng năng tinh tấn, huống hồ là không gặp. Vì thế gọi là loại siêng năng tinh tấn.

Lại có tám thứ nhân sanh điều khả ái thuộc về sự nguyện cầu chân chánh, có thể khiến ở trong các dục ưa thích sự sanh tăng thượng. Người không cầu vĩnh viễn lìa tất cả dục, sẽ sanh nơi tám xứ sanh khả ái. Đó là:

- Loại mong cầu thấp kém trong cõi người, tu hai nghiệp phước là thí, giới nhỏ.

- Loại mong cầu tôn quý trong cõi người an lạc, trong các cõi Trời: Tứ Đại vương, Tam thập tam, Dạ-ma, Đổ-sử-đa, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, tu hai nghiệp phước là thí, giới nhỏ.

Lại do bốn nhân duyên, nên ở trong cõi người, kiến lập bốn chúng của Như Lai. Do ba nhân duyên, nên ở trong cõi Trời, kiến lập bốn

chúng. Do sự tăng thượng tốt bậc, thế gian cùng thừa nhận là phước điền, thọ dụng các thứ tài sản không do kẻ khác, dứt bỏ tất cả tài sản của thế gian. Do bốn duyên ấy, nên ở trong cõi người, kiến lập bốn chúng.

Dựa vào biên vực của đất, biên vực của cõi Dục, biên vực của ngũ hành, do ba duyên này, nên ở trong cõi Trời, kiến lập bốn chúng.

Lại, ở nơi ba xứ của thế gian lúc chuyển biến, có tám pháp là đối tượng xúc thường hằng nơi thế gian. Đó là:

- Xứ lạc dục.
- Xứ công dụng.
- Xứ chúng duyên.

Nơi xứ lạc dục, lúc chuyển biến, hoặc xúc nơi lợi, hoặc xúc nơi không phải lợi.

Nơi xứ công dụng, lúc chuyển biến, hoặc xứng hợp với ý khác, hoặc không xứng hợp với ý. Ở phần vị mặt sau, xúc nơi chê khen. Ở phần vị hiện tiền, xúc nơi khen chê.

Nơi xứ chúng duyên, lúc chuyển biến, hoặc do đời trước, hoặc do các duyên khổ vui của hiện pháp, nên xúc nơi khổ vui.

Lại có tám thắng giải, có thể dẫn đến quả Bất hoàn hoặc các thần thông bậc Thánh của A-la-hán, cùng sự an trụ tối thắng. Nghĩa là:

- Thắng giải, không có sắc nhiễm ô bên ngoài, chưa điều phục tướng về sắc bên trong. Là thắng giải thứ nhất.

- Thắng giải đã điều phục tướng về sắc bên trong. Là thắng giải thứ hai.

- Thắng giải xả bậc nhất, chẳng phải là hai sắc tịnh, bất tịnh. Là thắng giải thứ ba.

Ba giải thoát này đối với tất cả sắc được tự tại, nên có thể dẫn phát các thần thông bậc Thánh. Tức là các thần thông không có chung với hết thủy phàm phu.

Năm thắng giải này:

- Thắng giải về Không vô biên.
- Thắng giải về Thức vô biên.
- Thắng giải về Vô sở hữu.
- Thắng giải về Phi tướng phi phi tướng.

- Thắng giải về tâm vận hành tự nhiên hết sức vi tế, theo thứ lớp khéo tu trì, nên có thể dẫn phát đẳng chí tướng thọ diệt, an trụ tối thắng.

Lại nữa, nếu quán các sắc, hoặc như ở trong ba giải thoát đầu đã

quán mà tu tập: Tức là ba thắng xứ thuộc về đạo phương tiện của ba giải thoát. Ở đây, quán các sắc bên ngoài, hoặc nhỏ hoặc lớn, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc kém hoặc hơn: Tức là quán sắc hiện có được nơi đối tượng hành phi Tam-ma-địa. Do duyên nơi tác ý của đối tượng hành nơi Tam-ma-địa, không có vô số hiện tiền, nên gọi là thắng. Ở trong đối tượng hành của Tam-ma-địa, hành Xa-ma-tha gọi là biết (tri), hành Tỳ-bát-xá-na gọi là thấy (kiến). Như nơi đối tượng hành của Tam-ma-địa, hoặc biết hoặc thấy, cũng như đối với sắc kia, đã tầm tư rồi nên phân biệt, nhận biết rõ. Như thế, ở trong đối tượng hành nơi chẳng phải Tam ma địa, tưởng về bên ngoài, quán các sắc cũng vậy.

Đã nói tám thứ xứ là chỗ nên nhận biết về giáo pháp của Phật, tiếp theo nói về chín thứ.

Nghĩa là có chín kiết, như nơi phần Nhiếp sự sẽ kiến lập rộng.

Lại có chín thứ xứ sanh, hữu tình thọ sanh nơi các xứ ấy, đều đồng cư trú. Nghĩa là trong tam giới, trừ các cõi ác là xứ đáng chán lìa, như trước đã nói.

Đã nói chín thứ xứ, là chỗ cần nên biết về giáo pháp của Phật. Tiếp theo là nói về mười thứ. Đó là mười biến xứ, nên biết tức là chỗ hành tác thành tựu của các giải thoát.

Các giải thoát, thắng xứ, biến xứ còn lại như nơi phần Nhiếp sự sẽ phân biệt rộng.

Lại có mười chi vô học, nên biết thuộc về năm uẩn vô học. Đó là Giới uẩn, Định uẩn, Tuệ uẩn, Giải thoát uẩn, Giải thoát tri kiến uẩn. Như vậy là đã nói mười thứ xứ nên biết nơi giáo pháp của Phật. Và các xứ nên biết nơi giáo pháp của Phật đã thuyết minh ở trước đều thuộc về nội minh xứ.

Thế nào là y phương minh xứ? Nên biết minh này lược nêu có bốn thứ. Đó là:

- Thiện xảo nơi tướng của bệnh.
- Thiện xảo nơi nhân của bệnh.
- Thiện xảo nơi việc dứt trừ bệnh đã sanh.
- Thiện xảo nơi phương tiện đã dứt trừ bệnh, sau đó không

sanh trở lại.

Phân biệt rộng về nghĩa của thiện xảo như thế, nên biết như nơi kinh.

Đã nói về xứ y phương minh.

Thế nào là xứ nhân minh? Tức ở trong việc quan sát về nghĩa, với các sự việc hiện có. Điều này lại là thế nào?

Tụng nêu:

Luận thể, luận xử sở
Luận cứ, luận trang nghiêm
Luận phụ, luận xuất ly
Luận tạo nhiều tác pháp.

Nên biết ở đây lược nêu có bảy thứ:

1. Luận thể.
2. Luận xử sở.
3. Luận chỗ dựa.
4. Luận trang nghiêm.
5. Luận đọa phụ.
6. Luận xuất ly.
7. Luận tạo nhiều tác pháp.

Thế nào là luận thể tánh? Nghĩa là có sáu loại:

- Thứ nhất: Ngôn luận.
 Thứ hai: Thượng luận.
 Thứ ba: Tránh luận.
 Thứ tư: Hủy báng luận.
 Thứ năm: Thuận chánh luận.
 Thứ sáu: Giáo đạo luận.

- Ngôn luận: Tức tất cả ngôn thuyết, ngôn âm, ngôn từ, đó gọi là ngôn luận.

- Thượng luận: Là các ngôn luận hiện có, theo chỗ nên nghe của thế gian.

- Tránh luận: Nghĩa là: Hoặc dựa nơi các dục mà dấy khởi, như các dục thuộc về mình bị kẻ khác xâm đoạt, hay như các dục thuộc về các hữu tình yêu thích, lại cùng nhau xâm đoạt, hoặc muốn xâm đoạt. Hay như các dục không thấu nhận, tức thuộc về ca múa, vui đùa, thuộc về đám tội tở, ca nữ, hoặc là xem coi, hoặc là thọ dụng. Ở trong các sự dục như thế, người chưa lìa dục, người bị tham nơi cõi Dục làm nhiễm ô, nhân đấy mà chấp chặt, buộc vướng, đam mê, tham ái, phát sanh giận dữ, chống đối, người thích tranh chấp dấy vô số luận khởi luận oán hại, nên gọi là tránh luận.

Hoặc dựa nơi hành ác mà dấy khởi. Như thân ngữ của tự mình tạo tác hành ác, bị kẻ khác chê bai, hay thân ngữ của kẻ khác tạo hành ác, bị mình chê trách, hay như thân ngữ của các hữu tình cùng tham ái tạo tác hành ác, cùng chê bai lẫn nhau. Ở trong các hành ác được thực hiện như vậy, người mong tạo tác mà chưa tạo tác các hành ác, kẻ chưa lìa

tham sân si của cõi Dục, kẻ bị tham sân si vây buộc che lấp trầm trọng, nhân đầy mà chấp chặt, vướng mắc, đắm mê, tham ái, lại cùng phát sanh giận dữ, tâm mang đầy nhiễm ô, hổ tương chống đối. Kẻ ưa thích tranh chấp đầy vô số luận, khởi luận oán hại, nên gọi là tránh luận.

Hoặc dựa nơi các kiến chấp mà dấy khởi. Đó là kiến chấp về thân, kiến chấp về đoạn, thường, kiến chấp về không nhân, kiến chấp về nhân không bình đẳng, kiến chấp về hai chúng cùng vô số tà kiến và vô lượng các loại ác kiến khác. Ở trong các kiến chấp như thế, hoặc thuộc về mình bị kẻ khác ngăn, dứt, hoặc thuộc về kẻ khác bị mình ngăn, đoạn, hoặc thuộc về các hữu tình tham ái, bị kẻ khác đang ngăn, dứt, hoặc đã ngăn dứt, hoặc muốn thâm nhận những thứ chưa thâm nhận. Do những nhân duyên ấy, kẻ chưa lìa dục, như trước đã nói rộng, cho đến dấy vô số luận khởi luận oán hại, đó gọi là tránh luận.

- Hủy báng luận: Đó là các thứ ngôn luận hiện có của kẻ mang nhiều giận dữ phát khởi, do tâm nhiễm ô, muốn bày tỏ thế lực nên cùng bài xích lẫn nhau. Tức do sự thô ác dẫn phát, hoặc do không thuận hợp dẫn phát, hoặc do lời nói thù dật dẫn phát, cho đến trong pháp luật nêu giảng tà ác, vì các hữu tình giảng nói pháp như thế. Nghiên cứu, quyết trạch, dạy trao, dạy khuyên, các thứ luận bàn như thế gọi là hủy báng luận.

- Thuận chánh luận: Đó là ở trong chỗ khéo giảng nói pháp luật, vì các hữu tình tuyên thuyết Chánh pháp. Nghiên cứu, quyết trạch, chỉ dạy, trao truyền, vì nhằm đoạn trừ mọi nghi hoặc của hữu tình, vì để thấu đạt các câu nghĩa thâm diệu, vì khiến cho trí kiến được thanh tịnh rốt ráo, nên thuận theo chánh hành, thuận theo giải thoát. Do đó, luận này gọi là thuận chánh luận.

- Giáo đạo luận: Đó là các ngôn luận hiện có, dùng để chỉ dạy tu tập tâm học tăng thượng, tuệ học tăng thượng, đối với các hữu tình tâm chưa định, thì khiến cho tâm được định. Tâm đã định rồi, thì khiến được giải thoát, khiến cho các hữu tình ấy giác ngộ về trí chân thật, lãnh hội về trí chân thật. Do đó luận này gọi là giáo đạo luận.

Hỏi: Trong sáu luận này, có bao nhiêu luận là chân thật, có thể dẫn đến nghĩa lợi, là chỗ nên tu tập? Bao nhiêu luận là không chân thật, chỉ dẫn đến vô nghĩa, là chỗ nên xa lìa?

- Đáp: Hai thứ luận sau cùng là chân thật, có thể dẫn đến nghĩa lợi, là chỗ nên tu tập.

Hai luận giữa là không chân thật, chỉ dẫn đến vô nghĩa, là chỗ nên xa lìa.

Hai luận đầu phải nên phân biệt.

Thế nào là luận xử sở? Nên biết cũng có sáu loại:

- Đối với vương gia.
- Đối với người nắm giữ pháp luật.
- Ở trong đại chúng.
- Ở trước bậc hiền triết.
- Ở trước các Sa-môn, Bà-la-môn khéo hiểu về nghĩa pháp.
- Ở trước các người ưa thích nghĩa pháp.

Thế nào là luận chỗ dựa? Nên biết có mười thứ:

- Về nghĩa của đối tượng thành lập có hai thứ.
- Về pháp của chủ thể thành lập có tám thứ.

Hai thứ nơi nghĩa của đối tượng thành lập là:

1. Tự tánh.
2. Sai biệt.

Tự tánh: Tức có lập là có, không lập là không.

Sai biệt: Là có trên lập có trên, không trên lập không trên. Thường lập là thường, vô thường lập là vô thường. Cũng vậy: Có sắc không sắc, có kiến không kiến, có đối không đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, vô lượng môn sai biệt như thế, nên biết gọi là sai biệt của đối tượng thành lập.

Pháp của chủ thể thành lập có 8 thứ là:

1. Lập tông.
2. Biện nhân.
3. Dẫn dụ.
4. Đồng loại.
5. Dị loại.
6. Hiện lượng.
7. Tỷ lượng.
8. Chánh giáo lượng.

- Lập tông: Tức là dựa nơi hai thứ nghĩa của đối tượng thành lập, mỗi thứ đều thâm nhận riêng chỗ cho phép của tự phẩm. Hoặc thâm nhận tông chỉ của luận, như tự biện tài, như khinh chê kẻ khác, như được nghe từ kẻ khác, hay như giác ngộ chân thật. Hoặc là thành lập tông của mình, hoặc là phá bỏ tông của kẻ khác, hoặc là chế ngự kẻ khác, hoặc vì để khuất phục kẻ khác, hoặc vì thương xót kẻ khác nên kiến lập nghĩa của tông.

- Biện nhân: Đó là, vì để nghĩa của chỗ lập tông được thành tựu nên dựa nơi dẫn dụ, đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng và chánh

giáo, kiến lập ngôn luận của đạo lý thuận ích.

- Dẫn dụ: Cũng là nhằm thành tựu nghĩa của chỗ lập tông, nên dẫn chỗ dựa của nhân, là thứ ngôn luận so sánh về các pháp khác để hiểu, quen thuộc, cùng được thừa nhận của thế gian.

- Đồng loại: Là theo pháp hiện có đối chiếu với các pháp khác về tướng của chúng lần lượt có ít nhiều tương tự. Đây lại có năm thứ:

1. Tương tự về tướng trạng.
2. Tương tự về tự thể.
3. Tương tự về nghiệp dụng.
4. Tương tự về pháp môn.
5. Tương tự về nhân quả.

- Tương tự về tướng trạng: Là đối với hiện tại hoặc trước tiên thấy tướng trạng lần lượt cùng hệ thuộc tương tự.

- Tương tự về tự thể: Là tướng của pháp ấy lần lượt tương tự.

- Tương tự về nghiệp dụng: Là tác dụng của các pháp ấy lần lượt tương tự.

- Tương tự về pháp môn: Là pháp môn của các pháp ấy lần lượt tương tự. Như vô thường cùng với pháp khổ. Khổ cùng với pháp vô ngã. Vô ngã cùng với pháp sanh. Pháp sanh cùng với pháp lão. Pháp lão cũng với pháp tử. Cũng vậy: Hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, vô lượng các loại pháp môn như thế lần lượt tương tự.

- Tương tự về nhân quả: Là hoặc nhân hoặc quả nơi chủ thể thành lập, đối tượng được thành lập của các pháp ấy lần lượt tương tự. Đó gọi là đồng loại.

- Dị loại: Là nơi pháp hiện có, đối chiếu với các pháp khác, về tướng của chúng lần lượt có ít nhiều không tương tự. Đây cũng có năm loại, nên biết về tướng trái hẳn với năm thứ nêu trên.

- Hiện lượng: Tức có ba loại:

1. Chẳng phải là không hiện thấy.
2. Chẳng phải là đã tư duy nên tư duy.
3. Chẳng phải là cảnh giới thác loạn.

- Hiện lượng chẳng phải là không hiện thấy: Lại có bốn thứ: Tức do các căn không hư hoại, tác ý hiện tiền, nên:

Thứ nhất: Sanh tương tự.

Thứ hai: Sanh siêu việt.

Thứ ba: Không chướng ngại.

Thứ tư: Không phải quá xa.

Thứ nhất: Sanh tương tự: Là các căn của Dục giới đối với cảnh của Dục giới. Các căn của địa trên đối với cảnh của địa trên. Đã sanh đã cùng sanh, hoặc sanh hoặc khởi. Đó gọi là sanh tương tự.

Thứ hai: Sanh siêu việt: Là các căn của địa trên đối với cảnh của địa dưới, đã sanh v.v... như trước đã nêu. Đó gọi là sanh siêu việt.

Thứ ba: Không chướng ngại. Lại có bốn thứ:

Một là: Không phải chướng ngại che phủ gây chướng ngại.

Hai là: Không phải chướng ngại ẩn giấu gây chướng ngại.

Ba là: Không phải chướng ngại của ánh sáng gây chướng ngại.

Bốn là: Không phải chướng ngại của hoặc gây chướng ngại.

- Chướng ngại che phủ gây chướng ngại: Là chướng ngại che phủ của bóng tối, bóng tối của vô minh, bóng tối của sắc không trong, lặng.

- Chướng ngại ẩn giấu gây chướng ngại: Là chướng ngại ẩn giấu, hoặc do năng lực được thảo, hoặc do năng lực của chú thuật, hoặc do năng lực của thần thông.

- Chướng ngại của ánh sáng gây chướng ngại: Tức là vật nhỏ ít bị vật lớn nhiều đoạt mất ánh sáng nên không thể có được. Như thuốc ở trong thức ăn uống, hoặc lại như đầu sợi lông. Các loại như thế có vô lượng vô biên. Lại như ánh sáng nhỏ bị ánh sáng lớn đoạt mất ánh sáng nên không thể có được. Đó là ánh sáng mặt Trời đoạt mất ánh sáng của trăng, sao v.v... Lại như ánh sáng mặt Trăng đoạt mất ánh sáng của các vì sao. Lại như chủ thể đối trị che lấp đối tượng được đối trị, khiến không thể có được. Đó là tác ý bất tịnh che lấp tướng tịnh. Tác ý về vô thường khổ vô ngã lẫn át tướng thường lạc ngã. Tác ý vô tướng lẫn át hết thấy các tướng.

- Chướng ngại của hoặc gây chướng ngại: Đó là do huyễn hóa tạo ra. Hoặc tướng sắc thù thắng. Hoặc lại giống nhau. Hoặc chỗ tạo tác bên trong, như mắt bị rối loạn, mộng mê, buồn say, phóng dật. Hoặc lại điên cuồng. Các loại như vậy gọi là chướng ngại của hoặc.

Nếu không bị bốn thứ chướng ngại ấy gây chướng ngại thì gọi là không chướng ngại.

Thứ tư: Không phải quá xa: Đó là không chỗ xa cách của ba thứ quá xa:

Một là: Nơi chốn quá xa.

Hai là: Thời gian quá xa.

Ba là: Sự tổn giảm quá xa.

Tất cả các loại như vậy gọi chung là: Chẳng phải là không hiện

thấy. Chẳng phải là không hiện, nên gọi là hiện lượng.

Hiện lượng chẳng phải là đã tư duy nên tư duy: Lại có hai thứ:

Thứ nhất: Vừa giữ lấy liền thành cảnh nơi đối tượng nương dựa của thủ.

Thứ hai: Kiến lập cảnh giới nơi cảnh thuộc đối tượng nương dựa của thủ.

- Vừa giữ lấy liền thành cảnh nơi đối tượng nương dựa của thủ: Đó là như cảnh có thể tạo ra, vừa giữ lấy liền thành chỗ nương dựa của thủ. Ví như lương y trao thuốc cho người bệnh, sắc hương vị xúc thấy đều đầy đủ, có năng lực lớn, uy đức thành thực, nên biết sắc hương vị xúc của thuốc ấy, vừa giữ lấy liền thành chỗ nương dựa của thủ. Năng lực lớn, uy đức thành thực hiện có của thuốc, bệnh nếu chữa khỏi thì gọi là nên tư duy. Bệnh ấy nếu đã khỏi thì gọi là đã tư duy. Các loại như thế, gọi là vừa giữ lấy liền thành cảnh nơi đối tượng nương dựa của thủ.

- Kiến lập cảnh giới nơi cảnh thuộc đối tượng nương dựa của thủ: Đó là nếu cảnh có thể làm chỗ nương dựa của thủ để kiến lập cảnh giới. Như Du già sư ở nơi địa, tư duy về giới thủy hỏa phong. Nếu trụ nơi địa tư duy về thủy, tức trụ nơi tướng về địa, chuyển tạo tướng về thủy. Nếu trụ nơi địa, tư duy về hỏa, phong, tức trụ nơi tướng về địa, chuyển tạo tướng về hỏa, phong. Ở đây, tướng về địa, tức là thủ của cảnh giới được kiến lập. Như trụ nơi địa, trụ nơi thủy hỏa phong theo chỗ ứng hợp nên biết cũng vậy. Đó gọi là kiến lập cảnh giới nơi cảnh thuộc chỗ nương dựa của thủ. Trong ấy, kiến lập cảnh giới nơi cảnh thuộc chỗ nương dựa của thủ, chẳng phải là đã tư duy, chẳng phải là nên tư duy. Các giới như địa v.v..., sự lý giải nếu chưa thành, gọi là nên tư duy. Lý giải nếu thành tựu, gọi là đã tư duy.

Như thế gọi là hiện lượng chẳng phải là đã tư duy nên tư duy.

- Hiện lượng chẳng phải là cảnh giới thác loạn: Đó là, hoặc có năm thứ, hoặc có bảy thứ.

Năm thứ: Tức chẳng phải là năm thứ cảnh giới thác loạn. Những gì là năm? Đó là:

Thứ nhất: Tướng thác loạn.

Thứ hai: Số thác loạn.

Thứ ba: Hình thác loạn.

Thứ tư: Hiền thác loạn.

Thứ năm: Nghiệp thác loạn.

Bảy thứ: Tức chẳng phải là bảy thứ cảnh giới thác loạn. Những gì là bảy? Đó là: năm thứ trước và hai thứ thác loạn biến hành hợp làm

bảy thứ. Hai thứ ấy là:

Thứ nhất: Tâm thác loạn.

Thứ hai: Kiến thác loạn.

- Tướng thác loạn: Đó là đối với chẳng phải là tướng kia, dấy khởi tướng về tướng kia. Như đối với tướng của dọn nắng, con nai khát nước khởi tướng về nước.

- Số thác loạn: Tức là đối với số ít dấy khởi tăng thượng mạn cho là số nhiều. Như người bị hoa mắt, ở nơi một mặt Trăng thấy có nhiều hình tượng mặt Trăng.

- Hình thác loạn: Đó là đối với hình sắc còn lại, khởi tăng thượng mạn cho là hình sắc còn lại. Như đối với đóm lửa xoay tròn thấy hình vòng tròn lửa.

- Hiện thác loạn: Đó là đối với hiển sắc còn lại, khởi tăng thượng mạn cho là hiển sắc còn lại. Như bệnh Ca-mạt-la làm tổn hại nhãn căn, đối với các sắc chẳng phải màu vàng, đều thấy tướng màu vàng.

- Nghiệp thác loạn: Nghĩa là đối với sự việc không nghiệp, khởi tăng thượng mạn cho là có nghiệp. Như người thu mình chạy nhanh thấy cây cối hai bên đường cũng trôi theo.

- Tâm thác loạn: Đó là đối với nghĩa của năm thứ thác loạn, tâm sanh vui thích.

- Kiến thác loạn: Tức đối với nghĩa của năm thứ thác loạn đã chấp nhận, nêu bày rõ, sanh tướng an lành, chấp giữ chặt không buông bỏ.

Nếu không phải là cảnh giới thác loạn như thế, gọi là hiện lượng.

Hỏi: Hiện lượng như vậy, cái gì là sở hữu?

- Đáp: Lược nêu có bốn thứ sở hữu:

1. Hiện lượng của sắc căn.
2. Hiện lượng của ý thọ.
3. Hiện lượng thế gian.
4. Hiện lượng thanh tịnh.

- Hiện lượng của sắc căn: Đó là cảnh giới nơi đối tượng hành của năm sắc căn, như trước đã nói về thể tướng của hiện lượng.

- Hiện lượng của ý thọ: Là cảnh giới nơi đối tượng hành của các ý căn, như trước đã nói về thể tướng của hiện lượng.

- Hiện lượng thế gian: Đó là hai thứ hiện lượng được nêu chung làm một hiện lượng thế gian.

- Hiện lượng thanh tịnh: Nghĩa là các hiện lượng thế gian hiện có cũng được gọi là hiện lượng thanh tịnh. Hoặc có hiện lượng thanh tịnh không phải là hiện lượng thế gian. Đó là trí xuất thế gian đối với cảnh

nơi đối tượng hành, có nhận biết là có, không nhận biết là không. Có trên nhận biết là có trên. Không trên nhận biết là không trên. Các loại như thế gọi là hiện lượng thanh tịnh không chung với thế gian.

Tỷ lượng: Đó là cảnh giới hiện có cùng với xét chọn đều đã tư duy nên tư duy. Đây lại có năm loại:

1. Tỷ lượng về tướng.
2. Tỷ lượng về thể.
3. Tỷ lượng về nghiệp.
4. Tỷ lượng về pháp.
5. Tỷ lượng về nhân quả.

- Tỷ lượng về tướng: Đó là tùy theo chỗ hệ thuộc của tướng trạng hiện có, hoặc do hiện tại, hoặc do cảnh giới được suy tính thấy ở trước. Như thấy cờ phướn nên suy xét đối chiếu để biết làn xe. Do thấy khói, nên đối chiếu suy xét để biết có lửa. Như vậy, do vua, suy xét biết về đất nước. Do chồng suy ra vợ. Do sừng bò suy xét biết có bò. Do da dẻ mịn màng, tóc đen mượt, vôi vã, nóng nảy, sắc diện tươi đẹp, suy xét biết là tuổi trẻ. Do tướng mặt nhăn nheo, tóc bạc v.v... suy ra biết là già. Do nắm giữ tự tướng, suy ra biết là đạo, tục. Do vui thích quan sát các bậc Thánh, ưa nghe Chánh pháp, xa lìa tham lam keo kiệt, suy ra biết là hàng chánh tín. Do khéo tư duy về điều cần tư duy, khéo nêu điều cần nêu bày, khéo làm điều cần làm, nên suy xét biết đây là bậc thông tuệ. Do từ bi, ái ngữ, dũng mãnh, vui bố thí, có thể khéo giải thích các nghĩa lý sâu xa, nên suy biết là Bồ tát. Do những việc như trạo cử, loạn động, vui đùa, ca múa, nên suy biết là chưa lìa dục. Do các oai nghi luôn hiện bày tịch tĩnh nên suy biết là đã lìa dục. Do đầy đủ tướng hảo vi diệu của Như Lai, trí tuệ tịch tĩnh thần thông chánh hạnh, nên suy biết là bậc Như Lai Ứng đẳng Chánh giác gồm đủ Nhất thiết trí.

Do nhận thấy các tướng trạng hiện có lúc ấu niên của kẻ kia nên đối chiếu suy biết về lúc già nua của kẻ ấy. Những loại như vậy gọi là tỷ lượng về tướng.

- Tỷ lượng về thể: Đó là do hiện thấy tự thể tánh của vật kia, so sánh về chỗ cùng loại nơi thể tánh không hiện thấy của vật ấy. Hoặc hiện thấy một phần tự thể của vật kia, so sánh chỗ giống nhau với phần còn lại. Như dùng hiện tại so sánh chỗ cùng loại với quá khứ. Hoặc dùng quá khứ so sánh chỗ cùng loại với vị lai. Hoặc dùng sự việc gần của hiện tại so sánh với việc xa. Hoặc dùng hiện tại so sánh với vị lai.

Lại như các sự việc ăn uống, y phục, vật dụng trang sức, xe cộ v.v..., xem thấy tướng hơn kém của một phần, có thể so sánh suy biết tất

cả. Lại do một phần đã thành thực để so sánh với phần thành thực khác. Các loại như vậy gọi là tỷ lượng về thể.

- Tỷ lượng về nghiệp: Đó là dùng tác dụng để so sánh về chỗ dựa của nghiệp. Như thấy vật ở xa, đứng yên, chim đậu trên ấy, do những sự việc đó, so sánh suy biết là gốc cây. Nếu sự việc như trên có lay động v.v... suy biết là người. Nơi chỗ dừng nếu có dấu chân rộng lớn, thì suy biết là voi. Nếu trên đường đi thấy có thân kéo trườn thì suy biết là rắn. Nếu nghe tiếng hí vang, suy biết là ngựa. Nếu nghe tiếng gầm rống, suy biết là sư tử. Nếu nghe âm thanh rống ồm ồm thì suy biết là Ngưu vương.

Thấy so sánh nơi mắt. Nghe so sánh nơi tai. Ngửi so sánh nơi mũi. Nếm so sánh nơi lưỡi. Xúc so sánh nơi thân. Thức so sánh nơi ý. Trong nước thấy có chướng ngại, so sánh biết là có đất. Nếu thấy nơi này cây cỏ um tùm, cành lá xanh tươi thì suy biết là có nước. Nếu thấy tro nóng, so sánh biết là có lửa. Thấy rừng rậm lay động, so sánh biết là có gió. Nếu thấy mắt nhắm, chóng gậy dò dẫm hỏi kẻ khác, vấp ngã, lạc đường, những sự việc như thế so sánh biết là kẻ mù. Nói lớn tiếng, nghiêng tai để nghe, so sánh biết là người điếc. Chánh tín, thông tuệ, lià dục, chưa lià dục, Bồ tát, Như lai, các loại như thế, dùng nghiệp để so sánh lường tính, nên biết như trước.

- Tỷ lượng về pháp: Là dùng pháp gần nhau, cùng liên hệ để so sánh với pháp gần nhau, cùng liên hệ khác. Như thuộc vô thường, so sánh nhận biết có khổ. Do thuộc về khổ nên so sánh về không vô ngã. Do thuộc về sanh nên so sánh có pháp lão. Do thuộc về lão nên so sánh có pháp tử. Do thuộc có sắc có thấy có đối nên so sánh có phương sở, cùng có hình chất. Thuộc về hữu lậu nên so sánh biết là có khổ. Thuộc về vô lậu nên so sánh biết là không khổ. Thuộc về hữu vi nên so sánh biết là pháp sanh trụ dị diệt. Thuộc về vô vi nên so sánh biết là pháp không sanh trụ dị diệt. Những loại như thế gọi là tỷ lượng về pháp.

- Tỷ lượng về nhân quả: Đó là lấy nhân quả lần lượt cùng so sánh. Như thấy có đi thì so sánh biết đến phương khác. Thấy đến phương khác thì so sánh biết trước đây có đi. Nếu thấy có người thờ vua đúng như pháp thì so sánh biết kẻ ấy sẽ đạt được ngôi vị bổng lộc lớn. Thấy có ngôi vị bổng lộc lớn, so sánh biết kẻ ấy trước đã thờ vua đúng như pháp. Nếu thấy có người tạo nghiệp toàn là thiện thì so sánh biết tất sẽ đạt được giàu có. Nếu thấy người giàu có, nhiều tài sản thì so sánh nhận biết họ trước đã tạo nghiệp đầy đủ thiện. Thấy kẻ trước tu tập hành thiện hành ác, so sánh biết sẽ có hưng suy. Thấy có hưng suy, so

sánh biết trước đã tạo tác hành thiện hành ác. Thấy ăn uống dồi dào, so sánh biết là kẻ no đủ. Thấy có no đủ, so sánh biết là ăn uống dồi dào. Nếu thấy có người ăn uống không bình thường, so sánh biết sẽ có bệnh. Hiện thấy có bệnh, so sánh biết là người ăn uống không bình thường. Thấy có tĩn lự, so sánh biết là bậc lia dục. Thấy bậc lia dục, so sánh biết là có tĩn lự. Nếu thấy người tu đạo, so sánh biết sẽ chứng đắc quả Sa môn. Nếu thấy có người chứng đắc quả Sa-môn, so sánh biết là đã tu đạo. Các loại như thế, nên biết gọi chung là tỷ lượng về nhân quả. Đó gọi là tỷ lượng.

Chánh giáo lượng: Đó là ngôn giáo do bậc Nhất thiết trí thuyết giảng, hoặc được nghe từ bậc ấy, hoặc thuận theo pháp của bậc ấy. Đây lại có ba loại:

1. Không trái với Thánh ngôn.
2. Có thể đối trị tạp nhiễm.
3. Không trái với pháp tướng.

- Không trái với Thánh ngôn: Nghĩa là do đệ tử của bậc Thánh thuyết giảng. Hoặc Đức Phật tự giảng nói kinh giáo, lần lượt được lưu truyền rộng khắp đến nay, không trái với Chánh pháp, không trái với nghĩa chân chánh.

- Có thể đối trị tạp nhiễm: Đó là theo lúc khéo tu tập pháp ấy có thể vĩnh viễn điều phục tất cả phiền não và tùy phiền não như tham sân si v.v...

- Không trái với pháp tướng: Tức là nếu chuyển ngược chỗ trái với pháp tướng, nên biết tức là không trái với pháp tướng.

Những gì gọi là trái với pháp tướng? Đó là đối với vô tướng tăng thêm là có tướng. Như chấp các loại có ngã, hữu tình, thọ mạng, sự sanh v.v... Hoặc chấp thường, chấp đoạn, có sắc không sắc v.v... Hoặc ở nơi hữu tướng giảm cho là vô tướng. Hoặc đối với sự quyết định lập làm bất định. Như hết thấy hành đều là vô thường, hết thấy hữu lậu, tánh đều là khổ, tất cả các pháp đều là không, vô ngã, mà kiến lập sai lạc một phần là thường, một phần là vô thường, một phần là khổ, một phần là không khổ, một phần là hữu ngã, một phần là vô ngã. Đối với pháp Phật đã lập không thể thọ ký, tìm câu ký biệt cho là có thể thọ ký. Hoặc an lập về thọ ký. Hoặc đối với bất định kiến lập là định. Như chấp tất cả lạc thọ đều là đối tượng tùy miên của tham. Hết thấy khổ thọ đều là đối tượng tùy miên của sân. Hết thấy thọ không khổ không lạc là đối tượng tùy miên của si. Tất cả lạc thọ đều là hữu lậu. Tất cả lạc kết với nghiệp cố tư tạo, hoàn toàn quyết định thọ dị thực khổ. Các loại như vậy, hoặc ở

trong pháp hữu tướng, tướng không sai biệt, kiến lập sai biệt, tướng có sai biệt, kiến lập không sai biệt. Như đối với tướng không sai biệt của hữu vi, ở trong vô vi cũng lại kiến lập. Đối với tướng không sai biệt của pháp vô vi, ở trong hữu vi cũng lại kiến lập. Như đối với hữu vi vô vi, đối với hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu theo chỗ ứng hợp đều nên biết rõ.

Lại, ở nơi hữu tướng, lập tướng nhân quả không như chánh lý. Như lập hành diệp chiêu cảm lấy quả không yêu thích. Lập các hành ác chiêu cảm lấy quả đáng yêu thích. Cho nên trong Tỳ-nại-da thuyết pháp ác, hành các hạnh tà, có thể đạt được thanh tịnh. Ở trong Tỳ-nại-da thuyết pháp thiện, tu tập chánh hạnh, cho là tạp nhiễm. Đối với tướng không chân thật, dùng ngôn thuyết giả để lập tướng chân thật. Ở nơi tướng chân thật, dùng ngôn thuyết giả để an lập đủ thứ loại. Như ở trong tất cả pháp lìa ngôn thuyết, kiến lập ngôn thuyết, nói là đệ nhất nghĩa. Các loại như vậy gọi là trái với pháp tướng. Ngược lại với các trường hợp ấy, nên biết tức là không trái với pháp tướng. Đó gọi là chánh giáo.

Hỏi: Nếu tự tướng của tất cả pháp đã thành tự, đều tự an lập trong pháp tánh rồi, lại do nhân duyên gì kiến lập hai thứ nghĩa được thành?

- Đáp: Vì nhằm khiến cho kẻ khác sanh tin hiểu, chẳng phải là tướng nơi tánh của các pháp có sanh khởi, thành tự.

Hỏi: Vì muốn thành tự nghĩa được thành tự, vì sao trước hết là lập tông?

- Đáp: Vì trước hết là hiển bày về chỗ yêu thích của mình về ý nghĩa của tông.

Hỏi: Vì sao tiếp theo là biện nhân?

- Đáp: Vì nhằm mở bày hiển thị, dựa vào sự hiện thấy, quyết định về đạo lý, khiến kẻ khác thấu nhận ý nghĩa của tông được lập.

Hỏi: Do đâu tiếp theo là dẫn dụ?

- Đáp: Vì nhằm chỉ rõ sự việc hiện thấy nơi đối tượng nương dựa của đạo lý thuộc chủ thể thành lập.

Hỏi: Vì sao các phần đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng, chánh giáo lượng được nói ở sau?

- Đáp: Vì nhằm mở bày chỉ rõ về hai thứ nhân, dụ trái nhau, không trái nhau với trí. Lại, trái nhau do hai nhân duyên:

1. Không quyết định.
2. Chỗ tạo thành đồng.

Không trái nhau cũng do hai nhân duyên:

1. Quyết định.
2. Chỗ tạo thành khác.

VỀ trái nhau: Đối với ý nghĩa của tông được lập, đã thành tựu, không thể làm “lượng”, nên không gọi là lượng.

VỀ không trái nhau: Đối với ý nghĩa của tông được lập, đã thành tựu, có thể làm chánh lượng, nên gọi là lượng, đó gọi là luận chỗ dựa.

Luận trang nghiêm: Lược có năm thứ:

1. Khéo nêu bày về tông của mình, người.
2. Lời nói đầy đủ, viên mãn.
3. Không sợ hãi.
4. Đôn hậu, nghiêm túc.
5. Ứng cúng.

- Khéo nêu bày về tông của mình, người: Đó là như có một hữu tình, nếu ở trong Tỳ-nại-da của pháp ấy, sanh yêu thích sâu xa, tức đối với tông chỉ của luận ấy thọ trì, đọc tụng, lắng nghe, tư duy, tu tập thuần thực, đã hoàn thiện, đã nêu giảng, đã làm sáng tỏ. Hoặc ở trong Tỳ-nại-da của pháp kia không yêu thích nhưng đối với tông chỉ của luận kia cũng thọ trì, đọc tụng, nghe nhận, tư duy thuần thực, mà không tu hành, nhưng đã hoàn thiện, đã nêu bày, đã làm sáng tỏ. Đó gọi là khéo nêu bày về tông của mình, người.

- Lời nói đầy đủ, viên mãn: Tức là như có một hữu tình, phạm có chỗ nêu bày đều dùng âm thanh, không dùng những thứ chẳng phải là âm thanh. Những gì là âm thanh? Đó là gồm đủ năm đức:

1. Không thô lậu.
2. Nhẹ nhàng, dễ hiểu.
3. Mạnh mẽ, trong sáng.
4. Tương ứng.
5. Nghĩa lý tốt đẹp.

- Không thô lậu: Là lìa mọi thứ ngôn từ thô kệch, quê mùa của các địa phương xa xôi, hẻo lánh.

- Nhẹ nhàng, dễ hiểu: Là chỗ nói năng đều dùng những ngôn từ thông dụng của thế gian.

- Mạnh mẽ, trong sáng: Đó là dựa vào nghĩa nơi ngôn từ đã được kiến lập, có thể khiến cho nghĩa ấy trở nên tinh tế, hùng tráng.

- Tương ứng: Là nghĩa của pháp trước sau phù hợp, không tán loạn.

- Nghĩa lý tốt đẹp: Là có thể dẫn phát sanh định thù thắng, không có điên đảo.

Lại, luận bàn về âm thanh này do chín thứ tướng, nên lời nói đầy đủ, viên mãn:

1. Không tạp loạn.
2. Không thô ác.
3. Biện biệt rõ.
4. Có hạn lượng.
5. Cùng với nghĩa tương ứng.
6. Đúng thời.
7. Quyết định.
8. Hiện bày trọn vẹn.
9. Tương tục.

Tất cả tướng như vậy gọi chung là “lời nói đầy đủ, viên mãn”.

- Không sợ hãi: Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong các chúng đồng đẳng, chúng hỗn tạp, chúng rộng lớn, chúng đồng bạn, chúng chân thật, chúng tốt đẹp, tâm ý không hề thấp kém, luôn lo sợ, thân không hề run rẩy, mặt không sắc sợ, tiếp không lấp bắp, lời không khiếm nhược. Người nói năng như thế gọi là không sợ hãi.

- Đôn hậu, nghiêm túc: Tức như có một hữu tình, đợi đúng lúc mới nêu bày, không nói năng lung tung, vội vã. Đó gọi là đôn hậu, nghiêm túc.

- Ứng cúng: Đó là như có một hữu tình, vì tánh thuần thiện, không nào hại kẻ khác, trọn không trái vượt đối với bậc hiền thiện và lãnh vực hiền thiện, thuận theo tâm kẻ khác mà phát khởi ngôn thuyết, đúng thời, như thật, có thể dẫn đến nghĩa lợi, ngôn từ hòa dịu, như đối với bạn lành. Đó gọi là Ứng cúng.

Nếu có người dựa vào năm thứ trang nghiêm của luận ấy để phát khởi ngôn luận, nên biết lại có 27 thứ công đức xứng tán. Những gì là 27 thứ? Đó là:

1. Được mọi người kính trọng.
2. Lời nói tất được tin nhận.
3. Ở trong đại chúng đạt vô sở úy.
4. Đối với tông chỉ của kẻ khác biết rõ về chỗ lỗi lầm, thiếu sót.
5. Đối với tông chỉ của mình biết rõ đức thù thắng.
6. Không có kiến chấp hẹp hòi. Đối với phần luận được thọ nhận, tâm không thiên vị, bè nhóm.
7. Đối với Chánh pháp và Tỳ-nại-da của mình không thể dẫn đến lầm lạc.
8. Đối với chỗ nêu giảng của người khác, mau chóng có thể tỏ

ngộ.

9. Đối với chỗ nêu giảng của người khác, mau chóng lãnh nhận.

10. Đối với chỗ thuyết giảng của kẻ khác, mau chóng có thể đối

đáp.

11. Gồm đủ đức của ngôn ngữ khiến mọi người yêu thích.

12. Vui thích tin hiểu loại minh luận này.

13. Có khả năng khéo nêu bày giải thích về văn tự, câu nghĩa.

14. Khiến thân không mệt mỏi.

15. Khiến tâm không sầu muộn.

16. Ngôn từ luôn lưu loát.

17. Biện tài vô tận.

18. Thân không khốn khó, tiêu tụy.

19. Niệm không quên mất.

20. Tâm không phiền não.

21. Yết hầu không bị tổn hại.

22. Những điều nêu giảng đều rõ ràng, dễ hiểu.

23. Theo hộ trì tự tâm khiến không hề phần nộ.

24. Khéo thuận hợp tâm kẻ khác, khiến không tức giận.

25. Khiến cho kẻ lập luận đối nghịch, tâm sanh tin tưởng thanh tịnh.

26. Những nơi chốn hành trì đều không gây tạo oán đối.

27. Danh xưng rộng lớn, tiếng tăm vang khắp mười phương, thế gian đều truyền tụng: Vị Đại pháp sư này ở trong số các bậc Đại sư.

Như người thợ đục, dùng các thứ báu như ngọc mặt ni, chân châu, lưu ly v.v... đặt bên cạnh các vật báu trang sức như vòng ngọc, xuyên vàng, để tự trang nghiêm, khiến cho uy đức càng tăng thịnh, ánh sáng tỏa khắp. Cũng vậy, bậc luận giả dùng hai mươi bảy thứ công đức xưng tán, đặt bên cạnh năm thứ vật dụng trang nghiêm của luận này, để tự trang nghiêm, khiến cho uy đức càng tăng thịnh, ánh sáng tỏa khắp. Do đó, gọi đây là những thứ trang nghiêm của luận. Đó gọi là luận trang nghiêm.

Luận đọa phụ (rơi vào chỗ thua): Nghĩa là có ba thứ:

1. Bỏ lời nói.

2. Lời nói chịu khuất phục.

3. Lời nói lỗi lầm.

- Bỏ lời nói: Nghĩa là người lập luận dùng mười thứ ngôn từ để xin luận giả đối nghịch bỏ phần luận đã nêu. Những gì là mười thứ ngôn từ? Đó là người lập luận xin luận giả đối nghịch, nói:

- Luận của tôi không hoàn thiện. Luận của ông thì hoàn thiện.
- Tôi không khéo quan sát. Ông thì khéo quan sát.
- Luận của tôi không có lý. Luận của ông thì có lý.
- Luận của tôi không có khả năng. Luận của ông thì có khả năng.
- Luận của tôi bị khuất phục. Luận của ông được thành lập.
- Biện tài của tôi tối đa chỉ đến đấy. Quá mức này trở lên, lại phải suy lường khéo léo, mới có thể luận bàn với ông.
- Lại, bỏ qua sự việc này, tôi không biện luận nữa.

Dùng mười ba thứ ngôn ngữ như thế để xin đối phương bỏ phần luận đã nêu. Do bỏ phần luận đã nêu, nên biết luận của mình đã bị phá, luận của kẻ khác đã thắng, mình đứng sau họ, chịu khuất phục họ. Do đó, “bỏ lời nói” gọi là rơi vào chỗ thua.

- Lời nói chịu khuất phục: Là như người lập luận bị luận giả đối nghịch làm cho khuất phục, nên vin dựa vào phương tiện của sự việc khác để thối lui. Hoặc dẫn lời nói ở ngoài, hoặc hiện bày sự phát giận, hoặc hiện rõ sự giận dữ, hoặc hiện vẻ kiêu mạn, hoặc hiện bày điều che giấu, hoặc hiện sự náo hại, hoặc hiện sự bất nhẫn, hoặc hiện vẻ không tin, hoặc lại im lặng, hoặc lại lo buồn, hoặc rùn vai giấu mặt, hoặc cùng lời, trầm tư.

Vin dựa vào phương tiện của sự việc khác để thối lui: Đó là bỏ phần luận đã lập trước, lại nhờ vào tôn khác, tức bỏ các phần nhân, dụ, đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng và chánh giáo lượng đã nêu trước, lại nhờ vào nhân cho đến chánh giáo khác.

Dẫn lời nói ở ngoài: Tức là bỏ các sự việc đã được biện luận, để bàn sang các việc ăn uống, vua quan, giặc trộm, đường sá, ca hát v.v..., mượn cơ nơi duyên bên ngoài, bỏ phần luận gốc đã lập, để khỏi bị kẻ khác vấn nạn.

Hiện bày sự phát giận: Nghĩa là dùng lời nói thô ác, không khiêm tốn để xua đuổi kẻ tranh luận đối nghịch.

Hiện vẻ kiêu mạn: Là dùng những ngôn ngữ của hạng người ti tiện để khinh khi kẻ tranh luận đối nghịch.

Hiện bày điều che giấu: Tức dùng những lời nói tố giác các việc làm xấu ác được che giấu của kẻ kia, để nêu rõ về con người của kẻ tranh luận đối nghịch.

Hiện sự náo hại: Là dùng lời nói oán hận cùng cực để mạ lỵ kẻ tranh luận đối nghịch.

Hiện bày sự bất nhẫn: Tức phát ra những lời oán trách để đe dọa kẻ tranh luận đối nghịch.

Hiện vẻ không tin: Là dùng những lời nói hủy hoại đức hạnh để phỉ báng kẻ tranh luận đối nghịch.

Hoặc im lặng: Là ngữ nghiệp đã dứt hết.

Hoặc lo buồn: Là ý nghiệp bị khổ não.

Hoặc rùn vai giấu mặt: Là vẻ uy nghiêm của thân nghiệp đã trở nên ử rũ, tiêu tụy.

Cùng lời, trầm tư: Là mọi biện tài đã cạn kiệt.

Do mười ba thứ sự việc như thế, nên biết đó là “lời nói chịu khuất phục”. Hai thứ trước là hành vọng đối loạn. Bảy thứ giữa là phát khởi hành tà. Bốn thứ sau là hành toan tính cùng tận. Đó gọi là lời nói chịu khuất phục, rơi vào chỗ thua (phụ xứ).

- Lời nói lỗi lầm: Đó là người lập luận bị chín thứ lỗi làm nhiễm ô nơi ngôn ngữ, nên gọi là lời nói lỗi lầm. Những gì là chín thứ?

1. Tạp loạn.
2. Thô ác.
3. Không biện biệt rõ.
4. Không có hạn lượng.
5. Không tương ứng với nghĩa.
6. Không đúng thời.
7. Không quyết định.
8. Chẳng hiển bày.
9. Không nối tiếp.

- Tạp loạn: Là kể các sự việc đã biện luận, để nói xen tạp những chuyện khác.

- Thô ác: Là các thứ trạo cử giận dữ và nóng nảy, hấp tấp.

- Không biện biệt rõ: Là về pháp hoặc nghĩa, nhiều người và kẻ lập luận đối nghịch không thể thọ nhận, tỏ ngộ được.

- Không có hạn lượng: Đó là ngôn từ của nghĩa được nói ra, hoặc nặng nề hoặc giảm bớt.

- Không tương ứng với nghĩa: Nên biết có mười thứ:

1. Vô nghĩa.
2. Trái nghĩa.
3. Hại lý.
4. Cùng giống với đối tượng được tạo thành.
5. Tập hợp các lỗi lầm, các nạn.
6. Không đạt được nghĩa lợi.
7. Nghĩa không có thứ tự.
8. Nghĩa không quyết định.

9. Thành lập chủ thể tạo thành.

10. Thuận với các luận tà ác không xứng lý.

- Không đúng thời: Là những điều cần nói, giảng, trước sau không thứ lớp.

- Không quyết định: Tức là lập rồi hủy bỏ, hủy bỏ rồi lại lập, thay đổi chóng vánh, khó có thể biết rõ.

- Không hiển bày: Đó là ngôn từ chỉ gây tạo sự chế giễu, không lãnh nhận để đối đáp. Như trước dùng ngôn ngữ theo sách vở, sau lại dùng ngôn ngữ thông tục, hoặc trước dùng ngôn ngữ thông tục, sau dùng ngôn ngữ theo sách vở.

- Không nối tiếp: Tức nơi khoảng giữa, ngôn từ bị đứt mất. Phạm các điều ngôn luận phạm chín lỗi ấy, gọi là lời nói lỗi lầm, rơi vào chỗ thua.

Luận xuất ly: Đó là người lập luận, trước nên dùng 3 thứ quan sát để quan sát về đầu mối của sự tranh luận, rồi mới dấy khởi hoặc không dấy khởi tranh luận. Đó gọi là luận xuất ly. Ba thứ quan sát là:

1. Quan sát về sự được mất.

2. Quan sát về thời, chúng.

3. Quan sát về chỗ thiện xảo, không thiện xảo.

Quan sát về sự được mất: Đó là người lập luận, mới dấy khởi đầu mối của luận, trước nên xem xét:

- Ta lập luận này, sẽ không gây tổn hại cho mình, người và cho cả hai chẳng?

- Không sanh tội lỗi nơi hiện pháp, hậu pháp và cả hai đời chẳng?

- Không phát khởi những sâu khổ cho thân tâm chẳng?

- Không do đấy mà phát khởi việc sử dụng đao gậy để đánh đập, mạ lỵ, tranh tụng, lừa dối, vọng ngữ chẳng?

- Sẽ không sanh trưởng vô số pháp ác bất thiện chẳng?

- Chẳng phải là không đem lại lợi ích an lạc, hoặc cho mình, hoặc cho người, cùng mọi người chẳng?

- Chẳng phải là không thương xót các thế gian chẳng?

- Không phải nhân đấy mà chư Thiên, người đời không có nghĩa lợi, không được an lạc chẳng?

Người lập luận ấy, xem xét như thế, hoặc tự nhận biết rõ chỗ lập luận của mình có thể làm tổn hại tự thân, cho đến chư Thiên, người đời không có nghĩa lợi cũng không an lạc, tức tự suy nghĩ cố gắng không nên lập luận. Hoặc nhận biết chỗ lập luận của mình như vậy không gây

tổn hại nơi chính mình, cho đến có thể dẫn phát nghĩa lợi cùng an lạc của hàng Trời, người, nên tự tư duy cố gắng sẽ lập luận chân chánh. Đó gọi là tướng thứ nhất của luận xuất ly hoặc tạo tác hoặc không tạo tác.

Quan sát về thời, chúng: Tức là người lập luận mới dấy khởi đầu mối của luận, nên khéo quan sát về chúng hội hiện tiền là có cố chấp hẹp hòi hay là không cố chấp? Là có hiền chánh hay là không có? Là có thiện xảo hay là không có?

Lúc xem xét như thế, nếu nhận biết chúng hội chỉ có cố chấp hẹp hòi, chẳng phải là không cố chấp hẹp hòi, chỉ là không hiền chánh, không có hiền chánh, chỉ là không thiện xảo, không có thiện xảo, bèn tự suy nghĩ, cố gắng, ở trong chúng này không nên lập luận. Hoặc nếu nhận biết chúng hội không có cố chấp hẹp hòi, không phải là có cố chấp hẹp hòi, chỉ có hiền chánh, không có không hiền chánh, chỉ có thiện xảo, không có không thiện xảo, tức tự tư duy cố gắng, ở trong chúng ấy nên lập luận. Đó gọi là tướng thứ ba nơi luận xuất ly, hoặc tạo tác hoặc không tạo tác.

Quan sát về chỗ thiện xảo không thiện xảo: Nghĩa là người lập luận mới dấy khởi đầu mối của luận, nên tự quan sát về thiện và bất thiện: Ta không nói luận thể, luận xứ, luận dựa, luận nghiêm, luận phụ, luận xuất ly là thiện xảo hay là không thiện xảo? Ta có năng lực, có thể lập luận của mình phá bỏ luận của kẻ khác chăng? Đối với chỗ luận thua, có thể giải thoát chăng? Lúc xem xét như thế, nếu tự nhận biết rõ ta không có thiện xảo, chẳng phải là có thiện xảo, ta không có năng lực, chẳng phải là có năng lực, nên tự tư duy cố gắng, đối với kẻ tranh luận đối nghịch, không nên lập luận. Nếu tự nhận biết rõ ta có thiện xảo không phải là không thiện xảo, ta có uy lực không phải là không có uy lực, tức tự suy nghĩ cố gắng đối với kẻ tranh luận đối nghịch nên cùng lập luận. Đó gọi là tướng thứ ba nơi luận xuất ly, hoặc tạo tác hoặc không tạo tác.

Luận tạo nhiều tác pháp: Đó là có ba loại, đối với luận được lập tạo nhiều tác pháp:

1. Hoàn thiện nơi tông của mình và người.
2. Dũng mãnh không sợ hãi.
3. Biện tài không cùng tận.

Hỏi: Ba pháp như thế, đối với luận được lập do đâu gọi là có nhiều đối tượng tạo tác?

- Đáp: Do có thể khéo nhận biết rõ về tông của mình, người nên đối với tất cả pháp, có thể dấy khởi bàn luận. Do dũng mãnh không sợ

hãi, nên ở nơi tất cả chúng có thể phát khởi bàn luận. Do biện tài không cùng tận, nên theo chỗ vấn nạn đều khéo đối đáp. Vì thế, ba thứ ấy, đối với luận được lập có nhiều đối tượng tạo tác.

Đã nói về nhân minh xứ. Thế nào là thanh minh xứ? Nên biết xứ này lược nêu có sáu tướng:

1. Tướng kiến lập nêu bày về pháp.
2. Tướng kiến lập nêu bày về nghĩa.
3. Tướng kiến lập nêu bày về hữu tình.
4. Tướng kiến lập nêu bày về thời.
5. Tướng kiến lập nêu bày về số.
6. Tướng kiến lập nêu bày về xứ sở căn tài.

Kệ nêu:

*Pháp nghĩa sở thủ thú
Thời số cùng xứ sở
Hoặc chỗ dựa căn tài
Là lược tướng thanh minh.*

Thế nào là kiến lập, nêu bày về pháp? Đó là danh thân, cú thân, văn thân cùng thanh tương ứng với năm đức:

- Không thô lậu.
- Nhẹ nhàng, dễ hiểu.
- Mạnh mẽ, trong sáng.
- Tương ứng.
- Nghĩa tốt đẹp.

Thế nào là kiến lập nêu bày về nghĩa? Nên biết lược có mười thứ:

1. Kiến lập căn.
2. Kiến lập đại chủng.
3. Kiến lập nghiệp.
4. Kiến lập tâm cầu.
5. Kiến lập phi pháp.
6. Kiến lập pháp.
7. Kiến lập hưng thịnh.
8. Kiến lập suy tổn.
9. Kiến lập thọ dụng.
10. Kiến lập giữ gìn.

Tụng nêu:

*Nhãn cùng với địa v.v...
Thân cùng với tâm cầu*

Phi pháp, pháp, hưng thịnh

Suy tổn, thọ dụng, giữ.

- Kiến lập căn: Đó là nêu các nghĩa: thấy, nghe, nghĩ, nắm, xúc biết.

- Kiến lập đại chủng: Đó là nêu các nghĩa: dựa, giữ, tươi, nhuần, soi chiếu sáng tỏ, dao động.

- Kiến lập nghiệp: Là nêu các nghĩa: đến, đi, tuyên thuyết, nhớ nghĩ, xét, biết.

- Kiến lập tâm cầu: Là nêu các nghĩa: tìm tòi, thưa hỏi.

- Kiến lập phi pháp: Là nêu các nghĩa: sát sanh, trộm cắp v.v...

- Kiến lập pháp: Là nêu các nghĩa: thí, giới v.v...

- Kiến lập hưng thịnh: Là nêu các nghĩa: chứng đắc, vui vẻ v.v...

- Kiến lập suy tổn: Là nêu các nghĩa: phá hoại, sợ hãi, lo buồn v.v...

- Kiến lập thọ dụng: Là nêu các nghĩa: ăn uống, che ngăn, nắm giữ, thọ hành v.v...

- Kiến lập hộ trì: Là nêu các nghĩa: gìn giữ, nuôi nấng, đầy đủ v.v...

Lại nữa, lược nêu có 6 thứ nghĩa:

1. Nghĩa tự tánh.
2. Nghĩa nhân.
3. Nghĩa quả.
4. Nghĩa tác dụng.
5. Nghĩa tương ứng sai biệt.
6. Nghĩa chuyển.

Tụng nêu:

Tự tánh cùng nhân quả

Tác dụng, tương ứng, chuyển.

Thế nào là kiến lập nêu bày về hữu tình? Đó là kiến lập tướng thanh của nam, nữ, phi nam phi nữ sai biệt. Hoặc lại kiến lập tướng thanh của bậc sĩ phu đầu giữa trên sai biệt.

Thế nào là kiến lập nêu bày về thời? Đó là có tướng thanh của ba thời sai biệt:

1. Quá khứ, quá khứ thù thắng.
2. Vị lai, vị lai thù thắng.
3. Hiện tại, hiện tại thù thắng.

Thế nào là kiến lập nêu bày về số? Đó là có tướng thanh của ba số sai biệt:

1. 1 số.
2. 2 số.
3. Nhiều số.

Thế nào là kiến lập nêu bày về xứ sở, căn tài? Nên biết, xứ sở lược có năm thứ:

1. Tướng tục.
2. Danh hiệu.
3. Tổng lược.
4. Lợi ích.
5. Tuyên thuyết.

Như giới, tụng v.v... gọi là căn tài. Hai thứ như thế gọi chung là kiến lập xứ sở căn tài.

Đã nói về thanh minh xứ. Thế nào là công nghiệp minh xứ? Đó là ở nơi 12 xứ, lược nói về diệu trí hiện có của công nghiệp, gọi là công nghiệp minh xứ. Những gì là 12 công nghiệp xứ? Nghĩa là:

1. Công nghiệp về canh nông.
2. Công nghiệp về mua bán.
3. Công nghiệp về phụng sự vua.
4. Công nghiệp tính toán sổ sách, đo lường, in ấn.
5. Công nghiệp xem tướng.
6. Công nghiệp chú thuật.
7. Công nghiệp xây dựng.
8. Công nghiệp sanh thành.
9. Công nghiệp phòng tà (chữa bệnh).
10. Công nghiệp hòa hợp.
11. Công nghiệp thành thực.
12. Công nghiệp âm nhạc.

